TÀI LIỆU ÔN TẬP CHI TIẾT — VĂN HÓA MIỀN TRUNG – TÂY NGUYÊN

Mục tiêu: 10 điểm | Thi cuối kì 01/12/2026, full trắc nghiệm, 2 tín chỉ

Tài liệu này bám sát toàn bộ nguồn của môn: slide chương 1–4, các bài tham khảo (Lý Tùng Hiếu, Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Văn Sửu, Ngô Thị Thu Hương, Vũ Tuấn Hưng, Trần Đăng Hiếu) và 4 video bài giảng. Chỗ nào slide và video khác nhau, tài liệu ghi rõ cả hai và khoanh đáp án theo slide (vì đề thi thường theo slide), thầy nhớ cả hai để không bị bẫy.

CÁCH DÙNG TÀI LIỆU NÀY (ĐỌC KĨ, LÀM ĐÚNG THỨ TỰ)

- **Vòng 1 — Hiểu khung:** đọc phần ”Khung xương toàn môn” rồi đọc từng chương theo bảng. Mỗi bảng là một khối kiến thức khép kín, học thuộc theo bảng, không học lan man theo đoạn văn.
- **Vòng 2 — Làm đề:** làm hết 135 câu trong file ”Đáp án chi tiết đầy đủ 135 câu” (đề 120 câu v4 + 15 câu bổ sung chương 3). Làm xong mới mở đáp án.
- **Vòng 3 — Diệt lỗi sai:** câu nào sai thì quay lại đúng bảng trong tài liệu này, đọc lại và ghi vào phần ”Sổ lỗi sai” ở cuối. Trước ngày thi chỉ ôn lại sổ lỗi sai + phần ”Các cặp dễ nhầm” + ”Bảng số liệu phải nhớ”.

KHUNG XƯƠNG TOÀN MÔN (HỌC THUỘC KHUNG NÀY TRƯỚC, RỒI MỚI ĐI VÀO CHI TIẾT)

Chương	Câu hỏi lớn	Ý chính phải nhớ
1. Dẫn luận	Văn hóa là gì? Vùng văn hóa là gì?	4 đặc trưng, 5 chức năng, 3 cách chia cấu trúc, 4 thuyết, phân vùng 6 vùng, trung tâm – ngoại vi
2. Miền Trung	Miền Trung có gì đặc biệt?	14 tỉnh, đèo Hải Vân, 6 tiểu vùng, ẩm thực – trang phục – lễ hội, 4 di sản UNESCO
3. Tây Nguyên	Tây Nguyên khác miền Trung ở đâu?	5 tỉnh, đất bazan, 6 giai đoạn lịch sử, mẫu hệ, nhà rông – nhà dài, cồng chiêng 2005, nhà mồ, 3 tiểu vùng
4. Phát triển	Văn hóa giúp phát triển bền vững thế nào?	Trụ cột thứ tư, 4 xu hướng biến đổi, bảo tồn động – tĩnh, cộng đồng là trung tâm, 6 dòng sản phẩm, 7 nhóm giải pháp

---

CHƯƠNG 1 — DẪN LUẬN VỀ VĂN HÓA VÀ VÙNG VĂN HÓA

1.1. Văn hóa là gì?

Định nghĩa (video bài giảng chương 1, dùng cho thi): văn hóa là toàn thể hệ thống giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử.

Hai định nghĩa gốc hay được nhắc trong tài liệu tham khảo, nhớ tên tác giả + năm:

Tác giả	Năm	Định nghĩa
Edward B. Tylor	1871	Văn hóa là toàn bộ phức thể bao gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, pháp luật, phong tục và mọi năng lực, thói quen khác mà con người đạt được với tư cách thành viên của xã hội
UNESCO	1982	Văn hóa là tập hợp những đặc trưng tinh thần, vật chất, tri thức và tình cảm, tạo nên bản sắc của một xã hội hay một nhóm xã hội

1.2. Bốn đặc trưng của văn hóa — mẹo nhớ: ”Hệ – Giá – Nhân – Sử”

Đặc trưng	Nội dung (theo slide 1.1.2)	Cách nhớ
Tính hệ thống	Văn hóa là một chỉnh thể thống nhất, các yếu tố vận hành gắn bó với nhau	Hệ = cả hệ thống, không rời rạc
Tính giá trị	Gắn với nhu cầu và lý tưởng của con người, được chọn lọc qua nhiều thế hệ, giúp định hướng hành vi, ”không có cao thấp”	Giá = chọn lọc giá trị, không cao thấp
Tính nhân sinh	Văn hóa do con người tạo ra, vì con người, phục vụ đời sống con người. ”Không có con người không có văn hóa”	Nhân = do người, vì người
Tính lịch sử	Văn hóa là sản phẩm của quá trình sáng tạo và tích lũy qua thời gian, gắn với lịch sử cộng đồng, tộc người, quốc gia	Sử = tích lũy theo thời gian

Bẫy hay gặp: ”tính dân tộc”, ”tính hiện đại”, ”tính cộng đồng”, ”tính sáng tạo”, ”tính toàn cầu” đều KHÔNG nằm trong 4 đặc trưng này.

1.3. Năm chức năng của văn hóa — mẹo nhớ: ”Giáo – Nhận – Điều – Giao – Kế”

Chức năng	Nội dung (theo slide 1.1.2)	Từ khóa để phân biệt
Giáo dục	Hình thành nhân cách, truyền kiến thức, kỹ năng và giá trị đạo đức qua từng thế hệ	Nhân cách, truyền lại
Nhận thức	Giúp con người nhận thức các vấn đề xã hội, lịch sử và tự nhiên	Nhận thức, hiểu biết
Điều tiết xã hội	Quy định chuẩn mực, giá trị và hành vi được chấp nhận trong xã hội, duy trì trật tự và ổn định, định hướng cách ứng xử	Chuẩn mực, trật tự
Giao tiếp	Cung cấp ngôn ngữ, biểu tượng và các phương tiện giao tiếp	Ngôn ngữ, biểu tượng
Kế thừa và phát triển	Bảo tồn các giá trị truyền thống, thúc đẩy sáng tạo, đảm bảo sự liên tục và phát triển của xã hội qua các thế hệ	Bảo tồn + sáng tạo

Mẹo làm bài: đọc câu hỏi, tìm từ khóa — ”nhân cách / truyền kiến thức” thì chọn Giáo dục; ”chuẩn mực / trật tự” thì chọn Điều tiết xã hội; ”ngôn ngữ / biểu tượng” thì chọn Giao tiếp; ”bảo tồn + sáng tạo” thì chọn Kế thừa và phát triển.

1.4. Cấu trúc của văn hóa — cách chia phổ biến nhất phải thuộc

Cách chia phổ biến nhất (video + slide 1.1.3): văn hóa vật chất – văn hóa tinh thần – văn hóa xã hội.

Các cách chia khác trong slide (chỉ cần biết là ”cách chia khác”, không phải phổ biến nhất):

Cách chia khác	Gồm
Theo lĩnh vực hoạt động	Văn hóa sản xuất, văn hóa vũ trang, văn hóa sinh hoạt
Theo chức năng xã hội	Văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường

1.5. Vùng văn hóa — định nghĩa + 5 vai trò

Định nghĩa (slide 1.2.1 + video): vùng văn hóa là một khu vực lãnh thổ, trên đó các yếu tố văn hóa có nét chung, tương đồng, tạo thành một cộng đồng văn hóa, đồng thời khác biệt với các vùng khác.

Ba điểm then chốt về ranh giới:

- Vùng văn hóa KHÔNG phải đơn vị hành chính; ranh giới của nó mờ, không trùng với ranh giới hành chính do Nhà nước quy định.
- Cùng điều kiện khí hậu, địa hình chưa đủ thành vùng văn hóa — phải có nét chung về văn hóa.
- Một vùng văn hóa có thể có nhiều dân tộc cùng cư trú, không đòi hỏi chỉ một dân tộc duy nhất.

Năm vai trò của vùng văn hóa (slide tr. 6, sơ đồ): nhận diện và phân loại — bảo tồn và phát huy bản sắc — phát triển kinh tế – xã hội — giao lưu và hội nhập — xây dựng bản sắc quốc gia. (Câu hỏi thường hỏi ”đâu KHÔNG phải vai trò”: đáp án hay gặp là ”thống nhất ranh giới hành chính”.)

1.6. Bốn thuyết về vùng văn hóa — mẹo nhớ: ”Tiến – Lan – Trọng – Tương”

Thuyết	Nội dung cốt lõi	Từ khóa
Tiến hóa	Các nền văn hóa phát triển từ thấp đến cao, qua các giai đoạn	Thấp → cao, giai đoạn
Lan truyền (truyền bá)	Sáng tạo văn hóa xuất phát từ một trung tâm, rồi lan truyền, khuếch tán sang các nơi khác; sự lan truyền tạo động lực phát triển	Một trung tâm → lan ra
Trọng tâm	Mỗi nền văn hóa có một trọng tâm riêng; một yếu tố văn hóa của một vùng cụ thể có thể lan truyền ra các vùng khác	Trọng tâm riêng
Tương đối văn hóa	Mỗi nền văn hóa đều có giá trị riêng, không có nền văn hóa nào cao hơn hay thấp hơn nền khác	Giá trị ngang nhau

Mẹo làm bài: ”từ thấp đến cao” = Tiến hóa; ”từ một trung tâm lan ra” = Lan truyền; ”mỗi nền văn hóa có trọng tâm riêng” = Trọng tâm; ”không cao hơn, không thấp hơn” = Tương đối.

1.7. Phân vùng văn hóa Việt Nam — phần này rất hay ra thi, học theo bảng

Hai tiêu chí phân vùng (Lý Tùng Hiếu, mục 4.2): (1) phân vùng địa lý tự nhiên; (2) phân bố tộc người. Chỉ có 2 tiêu chí — kinh tế, chính trị, lịch sử, tôn giáo đều KHÔNG phải tiêu chí.

Phương án được chọn là ưu thế nhất: 6 vùng (Lý Tùng Hiếu, mục 4.3):

Số thứ tự	Vùng
1	Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ
2	Việt Bắc và Đông Bắc

3	Đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ
4	Đồng bằng Trung và Nam Trung Bộ
5	Nam Bộ
6	Trường Sơn và Tây Nguyên

Các phương án khác — học theo cặp ”số vùng + tác giả + ví dụ đặc trưng”:

Số vùng	**Tác giả (năm)**	**Ví dụ đặc trưng để nhận diện**
7 vùng	Ngô Đức Thịnh (1984, 1993, 2009)	Duyên hải Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa đến Thừa Thiên – Huế); Việt Bắc (Đông Bắc Bắc Bộ)
8 vùng	Huỳnh Khái Vinh & Nguyễn Thanh Tuấn (1995)	Đồng Nai – Gia Định (Đông Nam Bộ); đồng bằng sông Cửu Long; miền núi phía Bắc
9 vùng	Đinh Gia Khánh & Cù Huy Cận (chủ biên, 1995)	Thuận Hóa – Phú Xuân (xứ Huế)
6 vùng (khác)	Trần Quốc Vượng (chủ biên, 1998); Chu Xuân Diên (2008)	Châu thổ Bắc Bộ
6 vùng (khác)	Huỳnh Công Bá (2008, 2015)	Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ (chia tách)

Vì sao phương án 6 vùng được chọn là ưu thế nhất: vừa đáp ứng được các tiêu chí phân vùng, vừa tìm được nhiều yếu tố đồng thuận với các phương án phân vùng đã có. (Nhớ ý này, đề hay hỏi ”vì sao”.)

1.8. Lý thuyết trung tâm và ngoại vi (Ngô Đức Thịnh)

	Trung tâm văn hóa	**Ngoại vi văn hóa**
Đặc trưng	Thu hút, tích hợp, ”lên khuôn” và lan tỏa	Tĩnh lặng, ít sôi động; cung cấp ”nguyên liệu” văn hóa cho trung tâm
Hiện tượng đặc biệt	Sáng tạo, định hình cao	”Hóa thạch ngoại biên”: hiện tượng văn hóa khi lan tỏa tới ngoại vi thì bị ”hóa thạch”, giữ lại dạng thức nguyên thủy hơn so với trung tâm

Hai ví dụ phải thuộc:

- **Văn hóa Đông Á:** văn hóa Hoa Hạ (khu vực giữa trung lưu sông Trường Giang và Hoàng Hà) là trung tâm; các vùng bao quanh là ngoại vi: người Bách Việt ở phía Nam, Bắc Địch ở phía Bắc, Khương Nhung ở phía Tây, Đông Di ở phía Đông.
- **Văn hóa Thăng Long – Hà Nội:** Thăng Long là nơi ”tụ thủy, tụ nhân, tụ tài” — tích tụ văn hóa từ các vùng ngoại vi, trước nhất là ”tứ trấn nội Kinh” (Kinh Bắc, Sơn Nam, Hải Đông, Sơn Tây), rồi ”lên khuôn” và lan tỏa trở lại.

1.9. Văn hóa biển duyên hải Nam Trung Bộ (Ngô Thị Thu Hương)

Câu chốt: ”văn hóa biển là một dạng văn hóa sinh thái”.

Nội dung	Chi tiết phải nhớ
Ghe bầu xứ Quảng	”Nói đến văn hoá biển Nam Trung Bộ phải nói đến văn hoá ghe bầu xứ Quảng”; từng là phương tiện chiến đấu của các triều đình phong kiến (ghe bầu của thủy quân Tây Sơn có thể chở được voi); đồng thời là phương tiện mưu sinh trên biển
Muối	Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Tuyết Diêm (Phú Yên), Cà Ná (Ninh Thuận), Hòn Khói (Khánh Hòa)
Nước mắm	Nam Ô (Đà Nẵng), Phan Thiết, Nha Trang
Lễ hội Cầu Ngư	Thường tổ chức khoảng tháng Giêng đến tháng Sáu âm lịch ở hầu hết các địa phương trong vùng; hát Bả trạo là một phần nghi lễ trong lễ hội Cầu Ngư
Tổ chức xã hội	Làng và vạn; vạn và làng hỗ trợ lẫn nhau (khi vạn có việc thì làng hỗ trợ và ngược lại)

Mẹo nhớ muối – nước mắm theo cặp tỉnh: Sa Huỳnh – Quảng Ngãi; Tuyết Diêm – Phú Yên; Cà Ná – Ninh Thuận; Hòn Khói – Khánh Hòa; Nam Ô – Đà Nẵng.

CHƯƠNG 2 — VÙNG VĂN HÓA MIỀN TRUNG

2.1. Tổng quan miền Trung — học thuộc bảng này là nắm nửa chương

Nội dung	Chi tiết (slide 2.1)
Phạm vi	14 tỉnh, trải dài từ Thanh Hóa đến Bình Thuận
Giáp giới	Đông: Biển Đông; Tây: Lào và Tây Nguyên; Bắc: đồng bằng sông Hồng và trung du miền núi Bắc Bộ; Nam: Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu
Khí hậu	Chia làm hai khu vực chính, lấy đèo Hải Vân làm ranh giới

Các đèo	Ngang (Hà Tĩnh – Quảng Bình), Hải Vân, Bình Đê, Cù Mông (Bình Định – Phú Yên), Cả (Phú Yên – Khánh Hòa)
Đặc điểm chung	Vùng đất chứa nhiều dấu tích văn hóa Champa; được người Việt khai phá theo kiểu tiệm tiến (từng bước); hội tụ nhiều tinh hoa văn hóa của đất nước
Kinh tế	Nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, dịch vụ, du lịch
Làng nghề	Dệt, làm nước mắm, làm muối, đóng thuyền

Ẩm thực miền Trung — 3 từ: Giản dị – Mặn mòi – Cay nồng.

Bốn di sản văn hóa vật thể được UNESCO công nhận: Thành nhà Hồ — Quần thể kiến trúc Cố đô Huế — Đô thị cổ Hội An — Thánh địa Mỹ Sơn. (Nhớ: Hoàng thành Thăng Long ở Hà Nội, Cố đô Hoa Lư ở Ninh Bình — không phải miền Trung; Phong Nha – Kẻ Bàng là di sản thiên nhiên.)

Lễ hội tiêu biểu: Lam Kinh, Cầu Ngư, Katê; tín ngưỡng thờ Cá Ông.

2.2. Sáu tiểu vùng — bảng tổng hợp (phần quan trọng nhất chương 2)

Slide chia miền Trung thành **6 tiểu vùng: Thanh – Nghệ – Bình-Trị-Thiên – Quảng – Nẫu – Chàm.** (Video tổng quan liệt kê 7 tiểu vùng, thêm Trường Sơn và dùng ”Huế” thay cho ”Bình-Trị-Thiên” — thi theo slide thì lấy 6.)

Mẹo nhớ thứ tự 6 tiểu vùng từ Bắc vào Nam: ”Thanh – Nghệ – Bình – Quảng – Nẫu – Chàm”.

Tiểu vùng	Tự nhiên / sông ngòi	Nhà ở	Trang phục	Tính cách (câu nói)	Diễn xướng – nghệ thuật	Tín ngưỡng
Thanh	Sông Mã – sông Chu	—	—	—	Trò diễn trong lễ hội: trò Chụt, trò Triềng, trò Rún…	Phật, Đạo, Nho, Kitô giáo
Nghệ	Sông Lam: nhỏ, ngắn, dốc, dồn nước nhanh ra biển	Cột mập, xà mảnh, giọt tranh hạ thấp, gian hẹp	Nữ: yếm trong, áo cánh ngoài; nam: quần, áo cánh, áo dài, khăn, khố	Bùi Dương Lịch: ”chất phác, đôn hậu, tính tình chậm chạp, cẩn thận, bền vững”	Ví và giặm	—
Bình-Trị-Thiên	—	Nhà vườn; lăng mộ chúa, vua Nguyễn; kiến trúc cung đình	Áo dài Huế	”Nhẫn nại, bền bỉ, cần kiệm lo xa”	Ca Huế, ca kịch Huế, hát bội, tuồng hài	—

Quảng	—	Nhà rội, nhà rường	”Không phân biệt sang hèn, đàn bà mặc quần vải Chiêm, đàn ông tay cầm quạt Tàu”	”Quảng Nam hay cãi, Quảng Ngãi hay co” — cá tính mạnh mẽ, thiên về tranh cãi, nặng phần lý hơn phần tình	Hát bả trạo, bài chòi, hát bội, hò khoan, sắc bùa	Thờ Mẫu, thờ tiền hiền – hậu hiền, thờ Thành hoàng
Nẫu	—	Nhà cặp, nhà mái	—	”Hiền lành, thật thà, chất phác; đề cao khí tiết, trọng nhân nghĩa; cam đảm, thượng võ”	(mục diễn xướng trong slide chỉ có tiêu đề)	Thờ Khổng Tử, thần Lúa, thần bắp, Cao Đài
Chàm	Sông ngắn, dốc, lượng phù sa nghèo nàn; khí hậu savan	Nhà trên gò cát cao, ít trồng cây quanh nhà, số đo thường là số lẻ	Nam mặc xà-rông, nữ mặc váy dài và đội khăn (giao thoa văn hóa; chất liệu nhẹ, mát)	—	Múa Tamia, múa bóng; nhạc thế tục, nhạc cung đình, nhạc nghi lễ	Thờ cúng tổ tiên, Bà La Môn giáo, Hồi giáo

2.3. Lịch sử xứ Nẫu và xứ Chàm — hai dòng thời gian hay ra thi

Xứ Nẫu (mục 2.5.5.2): văn hóa Sa Huỳnh (trước thế kỷ II) → Champa (thế kỷ II–XV) → Đại Việt (thế kỷ XV) → khởi nghĩa nông dân Tây Sơn (thế kỷ XVIII).

Xứ Chàm (mục 2.5.6.2):

Thời kì	**Chi tiết**
Thuộc Champa	Hai tiểu quốc Kauthara và Panduranga
Thuộc Đại Việt	Năm 1653 lập dinh Thái Khang; năm 1693 lập trấn Thuận Thành
Dân cư	15 tộc người, người Kinh chiếm 85%

Mẹo nhớ 2 mốc năm: 1653 – Thái Khang (dinh); 1693 – Thuận Thành (trấn). Đừng đảo ngược.

CHƯƠNG 3 — VÙNG VĂN HÓA TÂY NGUYÊN

3.1. Tổng quan Tây Nguyên — bảng nền

Nội dung	**Chi tiết (slide 3.1–3.3)**
Vị trí	Vùng cao nguyên ở phía Tây của Trung Bộ, phía tây dãy Trường Sơn

Tỉnh	5 tỉnh theo slide: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng. **Video nói sau sắp xếp còn 3 tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng** (thi theo slide thì lấy 5)
Đất đai	Đất đỏ bazan lớn nhất cả nước, phù hợp cây công nghiệp (cà phê, hồ tiêu, cao su, ca cao); đất xám thích hợp trồng cây lương thực; đất trống, đồi núi trọc đang bị thoái hóa nghiêm trọng
Khí hậu	Hai mùa rõ rệt: mùa mưa tháng 5–10, mùa khô tháng 11–4; nhiệt độ trung bình khoảng 20°C
Sông ngòi	4 hệ thống sông chính: Sê San, Srêpôk, Ba, Đồng Nai
Rừng	Trữ lượng rừng gỗ chiếm tới 45% tổng trữ lượng rừng gỗ của cả nước
Kinh tế	Canh tác lúa rẫy là kinh tế chính; mô hình cộng đồng làng – buôn; quan hệ xã hội mang tính cộng đồng cao; ngoài ra có nghề thủ công, cây công nghiệp, cây ăn quả; ngày nay du lịch sinh thái và du lịch văn hóa là ngành kinh tế quan trọng
Lãnh đạo cộng đồng	Già làng, trưởng buôn, người có uy tín

Mẹo nhớ 4 hệ sông: ”Sê San – Srêpôk – Ba – Đồng Nai” (đọc tắt: San – Pôk – Ba – Nai).

3.2. Sáu giai đoạn lịch sử Tây Nguyên — mẹo nhớ theo thế kỉ

Giai đoạn	**Tên gọi**
Tiền / sơ sử	Thời kì tiền sử, sơ sử
Thế kỷ X–XVI	Hình thành và phát triển ban đầu
Thế kỷ XVII–XIX	Mở rộng
Cuối thế kỷ XIX – 1945	Thuộc Pháp
1945–1975	Đấu tranh giành độc lập
1975 – nay	Xây dựng và phát triển

Mẹo: X–XVI = hình thành; XVII–XIX = mở rộng; cuối XIX–1945 = thuộc Pháp; 1945–1975 = giành độc lập; 1975–nay = xây dựng.

3.3. Dân cư và ngôn ngữ

Nhóm ngôn ngữ	**Gồm**
Môn – Khmer	21 nhóm (Ba Na, Mạ, Cơ Tu, Xê Đăng, M’Nông, Stiêng, Brâu, Hrê…)
Nam Đảo	5 dân tộc: Chăm, Chu-ru, Ê Đê, Gia Rai, Raglai

Bẫy hay gặp: Ba Na, Mạ, Cơ Tu, Xê Đăng thuộc Môn – Khmer, KHÔNG phải Nam Đảo. Nhóm Nam Đảo chỉ có 5 dân tộc, nhớ câu ”Chăm – Chu-ru – Ê Đê – Gia Rai – Raglai”.

3.4. Nhà ở, mẫu hệ, trang phục, ẩm thực — bảng so sánh

Nội dung	Chi tiết
Nhà rông	Không gian sinh hoạt chung của cộng đồng; chỉ thấy ở người Ba-na và một bộ phận người Gia-rai (xem thêm chương 4, mục phê phán ”nhà rông văn hóa”)
Nhà sàn	Loại hình nhà ở phổ biến, thích ứng điều kiện tự nhiên vùng cao
Nhà dài	Nhà ở truyền thống của người Ê Đê, gắn với tổ chức gia đình lớn theo chế độ mẫu hệ
Chế độ mẫu hệ	Dòng họ tính theo mẹ, người phụ nữ giữ vai trò quan trọng trong gia đình, tài sản thường được truyền cho con gái
Trang phục Ê Đê	Màu chủ đạo đen và đỏ; phụ nữ mặc áo, váy; đàn ông đóng khố và mặc áo dài kín mông
Trang phục nam Ba Na	Áo chui đầu, cổ xẻ, cộc tay, thân áo có đường trang trí sọc đỏ chạy ngang, gấu áo màu trắng
Trang phục nữ Xơ Đăng	Áo (ao goh), váy (ktắc) và tấm choàng (khăn vai)
Ẩm thực	Cơm lam, gà nướng, cà đắng, gỏi lá (cùng măng le, cá lăng, cá suối, rau rừng, rượu cần)
Rượu cần	Gọi là ”rơ nơm yăng” (tiểu vùng Trung), thường làm bằng gạo tẻ, muốn rượu ngon thì phải làm bằng nếp; là biểu tượng của tinh thần cộng đồng
Tín ngưỡng	Đa thần: thần rừng, thần đất, thần lúa, thần bến nước

Mẹo phân biệt 3 loại nhà: Rông = nhà chung (cộng đồng); Sàn = nhà phổ biến; Dài = nhà Ê Đê (mẫu hệ).

3.5. Cồng chiêng, sử thi, tri thức truyền thống — 3 con số vàng

Nội dung	Con số / mốc phải nhớ

Cồng chiêng	15/11/2005: UNESCO công nhận là Kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại; năm 2008 chuyển sang Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. **Mốc công nhận ban đầu là 2005** — đề hỏi ”công nhận năm nào” thì đáp 2005
Số bộ cồng chiêng	Trên 9.760 bộ chỉ riêng tại 3 tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum
Sử thi	Khan Đam San (người Ê Đê) công bố đầu tiên năm 1927; đến nay đã phát hiện trên 20 sử thi (Đăm Di, Khinh Dú, Đăm Đoroăn); diễn xướng ở nhà rông hay nhà dài trong dịp hội hè, tiếp khách, mừng nhà mới, cưới xin
Cây thuốc	Danh lục cây thuốc tại Tây Nguyên gồm 1.633 loài
Tri thức truyền thống	Chia thành 2 nhóm: tri thức dạng ”kỹ thuật” (canh tác, chế biến, xây dựng…) và tri thức dạng kinh nghiệm, luật tục

Ý nghĩa cồng chiêng: không chỉ là nhạc cụ mà còn là phương tiện giao tiếp với thần linh và xã hội.

3.6. Nhà mồ — bảng so sánh 3 dân tộc (rất hay ra thi, dễ nhầm số cột)

Dân tộc	Số cột	Đặc điểm mái / họa tiết	Trục đặt
Jrai	8 cột	2 mái lớn hình thang cân + 2 mái nhỏ hình tam giác cân; cửa hướng Đông	—
Cơ Tu	6 cột	4 đầu trâu chạm khắc ở các góc mái; trên đỉnh mái có 2 con rồng đối xứng, 2 con rắn quấn lấy nhau (tái sinh như rắn lột xác)	Trục Đông – Tây; người mất nằm đầu quay về hướng Đông, chân quay về hướng Tây
Ba Na	—	Cột nhà mồ gọi là Klao, chạm khắc họa tiết Nar (mặt trời) và Khei (mặt trăng)	—

Lễ bỏ mả: đánh dấu sự kết thúc chính thức của quá trình tang ma, tiễn biệt người đã khuất rời khỏi thế giới người sống để trở về với tổ tiên; nghi lễ phá bỏ nhà mả cũ, làm nhà mả mới.

Mẹo nhớ số cột: ”Jrai 8 – Cơ Tu 6” (Jrai nhiều hơn Cơ Tu 2 cột).

3.7. Ba tiểu vùng Tây Nguyên — bảng tổng hợp

Tiểu vùng	Địa bàn	Đặc điểm phải nhớ
Bắc	Kon Tum, Gia Lai	Đỉnh Ngọc Linh 2.598 m; đỉnh Ngọc Krinh 2.066 m; tổ chức xã hội là plei (làng); nhạc cụ t'rưng, k'lông pút, đinh túk, goong
Trung	Đắk Lắk, Đắk Nông	Cơ sở xã hội là buôn; người Ê Đê cư trú chủ yếu; hồ Lắk – hồ tự nhiên sâu nhất Tây Nguyên; rượu cần "rơ nơm yăng"
Nam	Lâm Đồng (cũ) và một phần Ninh Thuận, Bình Phước, Đồng Nai (cũ)	Cơ sở xã hội là bon; K'Ho, Mạ, Stiêng; cao nguyên Lâm Viên; lễ đâm trâu là lễ chung của cả bon làng; là vùng chuyển tiếp giữa Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, giao lưu mạnh với các vùng lân cận

Lễ hội tiêu biểu Tây Nguyên: lễ mừng lúa mới (sau vụ thu hoạch, đặc biệt những năm bội thu, tạ ơn và cầu mùa vụ sau tốt đẹp); lễ cúng bến nước (người Ê Đê); lễ cúng tạ thần rừng (người Gia Rai); lễ bỏ mả.

CHƯƠNG 4 — PHÁT TRIỂN VÙNG VĂN HÓA MIỀN TRUNG – TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

4.1. Văn hóa, sinh thái và phát triển bền vững (slide 4.1 + video chương 4)

Hai định nghĩa mở đầu (video chương 4, mục 4.1):

Khái niệm	Định nghĩa
Sinh thái	Mối quan hệ giữa sinh vật với nhau và với môi trường sống của chúng
Phát triển bền vững	Định nghĩa của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED, 1987, Báo cáo Brundtland): sự phát triển "đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai"

Văn hóa là trụ cột thứ tư của phát triển bền vững (bên cạnh kinh tế, xã hội, môi trường), với 4 vai trò: lưu giữ tri thức — định hướng giá trị — khơi nguồn sáng tạo — thúc đẩy phát triển xanh.

Bảng ví dụ 3 cột (slide 4.1) — phân biệt với câu hỏi về "trụ cột thứ tư":

Tri thức	Giá trị	Sáng tạo
Ruộng bậc thang (tận dụng địa hình dốc, điều tiết nước, hạn chế xói mòn)	Tín ngưỡng vạn vật hữu linh (coi rừng, nước, đất là những giá trị cần bảo vệ)	Mô hình VAC (sản xuất tuần hoàn, tận dụng tài nguyên hiệu quả)

Mối quan hệ hai chiều văn hóa – sinh thái: ”Môi trường → hình thành văn hóa” và ”Văn hóa → bảo vệ hoặc làm biến đổi môi trường”. Ba đặc điểm: tính thích nghi, tính tác động lẫn nhau, tính bền vững. Thiên nhiên hình thành sinh kế, kiến trúc, tín ngưỡng; văn hóa định hướng cách khai thác và bảo vệ tài nguyên.

Luật tục và tri thức bản địa: luật tục cấm chặt phá rừng bừa bãi, hạn chế săn bắt và khai thác quá mức, chia sẻ tài nguyên vì lợi ích cộng đồng; vi phạm bị nhắc nhở hoặc xử phạt theo luật tục. Tri thức bản địa giúp quản lý và khai thác rừng hợp lý, bảo vệ nguồn nước, canh tác theo mùa.

Chuỗi hệ quả khi môi trường thay đổi (học thuộc thứ tự): Biến đổi môi trường → Mất không gian sinh thái → Biến đổi sinh kế → Mai một giá trị văn hóa. Kết luận: ”Bảo vệ môi trường cũng chính là bảo vệ văn hóa”. Ví dụ trong video: thảm họa cá chết miền Trung, Formosa là thủ phạm (30/06/2016).

Bốn thách thức đối với mối quan hệ văn hóa – sinh thái (slide 4.1):

Thách thức	Biểu hiện
1. Biến đổi khí hậu	Nhiệt độ tăng, thiên tai cực đoan, hạn hán, nước biển dâng
2. Khai thác tài nguyên quá mức	Phá rừng, khai khoáng, suy giảm đa dạng sinh học
3. Đô thị hóa và toàn cầu hóa	Mở rộng đô thị, thay đổi lối sống, không gian truyền thống bị thu hẹp
4. Mai một tri thức bản địa	Thế hệ trẻ ít tiếp nhận tri thức bản địa, di cư lao động

4.2. Bốn xu hướng biến đổi văn hóa Tây Nguyên (Ngô Đức Thịnh)

Xu hướng	Nội dung cốt lõi
1. Giao lưu	Quy mô và cường độ giao lưu mở rộng, mạnh mẽ hơn rất nhiều, diễn ra nhanh chóng, sôi động, thậm chí trở thành sức ép; tiếp nhận mang tính ”áp đặt” một chiều, không có điều kiện ”tiêu hóa”; cơ chế tiếp nhận tự nhiên (đan xen, hỗn dung, lựa chọn, tái tạo, liên kết hóa) bị đảo lộn và rút ngắn
2. Đứt gãy truyền thống – hiện đại	Cái cũ mất đi, cái mới chưa hình thành, tạo sự hụt hẫng; đời sống văn hóa suy kiệt và nghèo nàn; chuẩn mực cũ lỗi thời và mất đi, chuẩn mực mới chưa hình thành

3. Đồng hóa tự nhiên (”Kinh hóa”)	Đồng hóa tự nhiên giữa văn hóa người Kinh và các tộc người bản địa được quan niệm đồng nhất với hiện đại hóa — coi ”Kinh hóa” tức là hiện đại hóa; các tộc người thiểu số muốn hiện đại hóa phải qua cái cửa ”Kinh hóa”
4. Phục hồi	Chưa thực sự là tự ý thức, nhu cầu tự thân, mà chủ yếu là áp lực từ bên ngoài, từ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là sau Nghị quyết Trung ương V về ”xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”

Ba ý lớn khác của Ngô Đức Thịnh phải thuộc:

- Tây Nguyên là vùng gần như duy nhất của Đông Nam Á không chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ (”phi Hoa phi Ấn”) — văn hóa cổ truyền là ”văn hóa rừng”, ”văn hóa dân gian truyền miệng thời kỳ tiền nhà nước”, ”văn hóa buôn làng”; sự kỳ vĩ biểu hiện chủ yếu ở phi vật thể (sử thi, cồng chiêng).
- **Bảo tồn động vs bảo tồn tĩnh:** bảo tồn tĩnh là bảo tồn hình thái các hiện tượng văn hóa ở ngoài môi trường nó nảy sinh (sách báo, bảo tàng, kho lưu trữ), phục vụ nghiên cứu và lưu giữ lâu dài; bảo tồn động là bảo tồn trong chính môi trường xã hội nó nảy sinh để nó tiếp tục biến đổi và phát huy vai trò (ví dụ: bảo tồn sử thi trong môi trường diễn xướng cộng đồng để nó còn là ”sử thi sống”).
- **Phê phán ”nhà rông văn hóa”:** nhà rông chỉ thấy ở người Ba-na và một bộ phận người Gia-rai, nay đem ”áp đặt” cho gần hai mươi tộc người còn lại (ví dụ: những ngôi nhà rông ở một số làng người Ê-đê ở huyện Sông Hinh) — phải nghiên cứu kỹ bản sắc từng tộc người trước khi làm.
- **Quan điểm chủ thể văn hóa:** nhân dân là người sáng tạo các giá trị văn hóa thì đồng thời là người bảo tồn và phát huy các giá trị đó, Nhà nước không thể làm thay mà chỉ hỗ trợ — ”sự nghiệp của người Tây Nguyên, cho người Tây Nguyên và vì người Tây Nguyên”.

4.3. Phát triển địa phương (Nguyễn Văn Sửu, Tạp chí Dân tộc học 1-2025)

Câu chốt: phát triển địa phương trước hết phải là phát triển ”ở” địa phương và ”vì” địa phương, nhưng ”không nhất thiết là phát triển hoàn toàn ’của’ địa phương và ’do’ địa phương”.

Ba tiếp cận phát triển — học theo ví dụ (đề rất hay hỏi qua ví dụ):

Tiếp cận	Đặc điểm	Ví dụ

Từ bên trên	Coi trọng tri thức khoa học, công nghệ và vai trò của Nhà nước, cơ quan phát triển, nhà tài trợ; chưa chú ý đúng mức đến sự tham gia của người dân, cộng đồng, chính quyền địa phương	Các dự án thu hồi đất — nảy sinh mâu thuẫn vì người dân không đồng ý về giá đền bù quyền sử dụng đất
Từ bên dưới	Lấy sáng kiến, tiếng nói và nỗ lực của người dân, cộng đồng làm trung tâm	Làng Đồng Kỵ: từ giữa thế kỷ XX chuyển từ buôn trâu sang sản xuất và buôn bán đồ gỗ mỹ nghệ từ sáng kiến của một số cá nhân và hộ gia đình; đến năm 2015 sản xuất đồ gỗ chiếm tới 99,5% tổng thu nhập của làng
Kết hợp (hybrid)	Kết hợp tri thức khoa học với tri thức địa phương, giữa từ trên xuống và từ dưới lên	Chương trình 135 giai đoạn II: mời đại diện các hộ và cộng đồng tham gia đề xuất các dự án phát triển cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu địa phương

Mẹo nhớ 3 ví dụ: Đồng Kỵ = từ dưới (buôn trâu → đồ gỗ, 99,5%); 135 = kết hợp; thu hồi đất = từ trên (mâu thuẫn giá đền bù).

4.4. Văn hóa như nguồn lực kinh tế (slide 4.2)

Chuỗi giá trị (học thuộc thứ tự): Văn hóa → Sản phẩm địa phương → Thương hiệu & Du lịch → Phát triển kinh tế.

Dược liệu bản địa: Sâm Ngọc Linh — ”kết tinh tri thức bản địa và giá trị kinh tế” (không chỉ là tài nguyên tự nhiên); quế Trà Bồng (Quảng Ngãi) đã được cấp chỉ dẫn địa lý quốc gia.

Điểm đến sinh thái Tây Nguyên: thác Dray Nur, Dray Sáp, thác Phú Cường; hồ T’Nưng (Biển Hồ); Vườn quốc gia Yok Đôn, Kon Ka Kinh, Chư Mom Ray. (Nhớ: Mỹ Khê, Non Nước, Cửa Đại là bãi biển; Cố đô Huế, Hội An, Mỹ Sơn là di sản văn hóa – lịch sử; Lý Sơn, Cù Lao Chàm là biển đảo.)

Sáu dòng sản phẩm đặc trưng — mẹo nhớ: ”Biển – Văn – Sinh – Lễ – Nông – Nghỉ”:

Dòng sản phẩm	**Mô tả**
Biển đảo	Trải nghiệm biển đẳng cấp quốc tế và bảo tồn sinh thái biển
Văn hóa – Lịch sử	Hành trình khám phá ”cái nôi di sản” vật thể và phi vật thể
Sinh thái – Cộng đồng	Gắn kết sinh kế bản địa, hòa mình vào không gian làng bản

Lễ hội & Sự kiện	(Festival Huế, Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột…)
Nông nghiệp – Dược liệu	Trải nghiệm nông nghiệp độc đáo, gia tăng giá trị ”quốc bảo” (sâm Ngọc Linh)
Nghỉ dưỡng & MICE	Hạ tầng cao cấp đáp ứng phân khúc khách chi tiêu cao

Ba thách thức (slide 4.2):

Thách thức	**Nội dung**
1. Điểm mù trong liên kết vùng	Các địa phương phát triển riêng lẻ, cạnh tranh không lành mạnh, tour tuyến đứt đoạn; ”khủng hoảng bản sao”: sản phẩm na ná nhau (phố đi bộ, chợ đêm, ngủ nhà sàn, ăn đặc sản), thiếu khác biệt vùng miền
2. Nguy cơ phai nhạt bản sắc	Làng nghề thoi thóp (điêu khắc đá Non Nước, thổ cẩm Đắk Nông, gốm Thanh Hà); sân khấu hóa & mất không gian thiêng (nhà dài, nhà rông bị thay thế; lễ hội thiêng vắng bóng, nhường chỗ cho ”trình diễn” mất linh hồn; mai một tiếng mẹ đẻ ở thế hệ trẻ Tây Nguyên)
3. Áp lực bức tử hệ sinh thái	Xây dựng ồ ạt resort, khách sạn (Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên) làm biến đổi cảnh quan, xói mòn bờ biển; tăng trưởng ”nóng” về lượng khách nhưng thiếu đánh giá tác động môi trường (EIA) sát sao, ô nhiễm cục bộ, rác thải quá tải; môi trường sống của voi Buôn Đôn bị ảnh hưởng

Bốn giải pháp (slide 4.2):

Giải pháp	**Nội dung**
1. Liên kết vùng	Thành lập hội đồng văn hóa – du lịch vùng; xây dựng ”Con đường di sản miền Trung – Tây Nguyên”
2. Nâng cấp trải nghiệm bản địa	Biến làng nghề thành không gian trải nghiệm; số hóa bằng VR/AR
3. Bảo vệ tôn nghiêm di sản	Thiết lập ”lằn ranh đỏ” trong khai thác: giới hạn số lượng khách (carrying capacity), quy định thời gian tổ chức lễ hội, tuyệt đối bảo vệ các ”không gian thiêng” khỏi thương mại hóa; trao quyền cho ”người giữ lửa” (nghệ nhân, già làng)

4. Quản trị môi trường & du lịch xanh	Bắt buộc áp dụng đánh giá tác động môi trường (EIA) nghiêm ngặt và đo lường sức chứa sinh thái trước khi cấp phép mở rộng bất kỳ điểm đến nào

4.5. Bảo tồn và phát huy di sản (slide 4.3)

Di sản miền Trung (tr. 2): Festival Huế, lễ hội Katê, Bài chòi; Cố đô Huế, thánh địa Mỹ Sơn, phố cổ Hội An; đan lát Quảng Ngãi, đúc đồng Phường Đúc, gốm Bàu Trúc.

Giá trị văn hóa Tây Nguyên (tr. 3, mục 4.3.1): phi vật thể — văn hóa cồng chiêng, lễ hội lúa mới, sử thi Đăm Săn, lễ đâm trâu, chế tác nhạc cụ truyền thống, chỉnh chiêng; kiến trúc & nghề truyền thống — nhà rông, nhà dài, dệt thổ cẩm, đan lát, tạc tượng gỗ, đan gùi.

Bảy nhóm giải pháp lấy cộng đồng làm trung tâm (mục 4.3.2) — mẹo nhớ: ”Nhận – Chính – Du – Khoa – Nhân – Kinh – Hợp”:

Nhóm	Nội dung
1. Nhận thức & Giáo dục cộng đồng	Nâng cao nhận thức, giáo dục về giá trị di sản
2. Chính sách & Cơ chế bảo tồn	Chính sách, cơ chế bảo tồn phù hợp
3. Du lịch bền vững	Du lịch bền vững gắn với bảo tồn
4. Khoa học công nghệ & Chuyển đổi số	Số hóa di sản, bảo tàng ảo, tour thực tế ảo
5. Nhân lực	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản lý di sản, du lịch văn hóa, bảo tàng học
6. Kinh tế sáng tạo	Phát triển kinh tế sáng tạo từ di sản
7. Hợp tác quốc tế	Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, bảo tồn và quảng bá di sản

Câu chốt của chương 4 (slide 4.3, tr. 13): ”Di sản là một thực thể sống” — bảo tồn và phát huy di sản đòi hỏi hệ sinh thái giải pháp đồng bộ: lấy cộng đồng làm trung tâm, công nghệ làm động lực, phát triển bền vững làm mục tiêu.

BẢNG SỐ LIỆU PHẢI NHỚ (HỌC THUỘC LÒNG TRƯỚC NGÀY THI)

Con số	Nội dung
14 tỉnh	Miền Trung (Thanh Hóa – Bình Thuận)
5 tỉnh (slide) / 3 tỉnh (video sau sắp xếp)	Tây Nguyên
6 tiểu vùng (slide) / 7 tiểu vùng (video)	Miền Trung
3 tiểu vùng	Tây Nguyên (Bắc – Trung – Nam)
4 đặc trưng, 5 chức năng	Văn hóa (chương 1)
4 thuyết	Tiến hóa, lan truyền, trọng tâm, tương đối
2 tiêu chí phân vùng	Địa lý tự nhiên + phân bố tộc người

6 vùng (ưu thế nhất); 7 – 8 – 9 vùng	Các phương án phân vùng
4 hệ sông	Sê San, Srêpôk, Ba, Đồng Nai
45%	Trữ lượng rừng gỗ Tây Nguyên so với cả nước
20°C	Nhiệt độ trung bình Tây Nguyên
Mưa 5–10, khô 11–4	Hai mùa Tây Nguyên
6 giai đoạn	Lịch sử Tây Nguyên
21 nhóm Môn – Khmer; 5 dân tộc Nam Đảo	Ngôn ngữ Tây Nguyên
15/11/2005 (công nhận); 2008 (chuyển danh sách)	Cồng chiêng Tây Nguyên
Trên 9.760 bộ	Cồng chiêng tại Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum
1927	Khan Đam San công bố đầu tiên
Trên 20 sử thi	Đã phát hiện ở Tây Nguyên
1.633 loài	Cây thuốc Tây Nguyên
8 cột (Jrai) – 6 cột (Cơ Tu)	Nhà mồ
2.598 m (Ngọc Linh); 2.066 m (Ngọc Krinh)	Đỉnh núi Bắc Tây Nguyên
1653 (dinh Thái Khang); 1693 (trấn Thuận Thành)	Xứ Chàm
15 tộc người, Kinh 85%	Dân cư xứ Chàm
30/06/2016	Thảm họa cá chết miền Trung (Formosa)
1987 (WCED, Báo cáo Brundtland)	Định nghĩa phát triển bền vững
99,5% (năm 2015)	Thu nhập từ đồ gỗ ở làng Đồng Kỵ
4 vai trò văn hóa; 3 cột ví dụ; 4 thách thức	Slide 4.1
6 dòng sản phẩm; 3 thách thức; 4 giải pháp	Slide 4.2
7 nhóm giải pháp	Slide 4.3
01/12/2026	Thi cuối kì, full trắc nghiệm

CÁC CẶP DỄ NHẦM — BẪY THI (ĐỌC KĨ PHẦN NÀY TRƯỚC KHI VÀO PHÒNG THI)

Cặp dễ nhầm	**Phân biệt**
5 tỉnh vs 3 tỉnh (Tây Nguyên)	5 tỉnh theo slide (trước sắp xếp); 3 tỉnh theo video (sau sắp xếp: Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng). Đề theo slide thì đáp 5
2005 vs 2008 (cồng chiêng)	2005 là mốc công nhận Kiệt tác; 2008 là năm chuyển sang Danh sách đại diện. Hỏi ”công nhận” thì đáp 2005
6 tiểu vùng vs 7 tiểu vùng (miền Trung)	6 theo slide (Thanh, Nghệ, Bình-Trị-Thiên, Quảng, Nẫu, Chàm); 7 theo video (thêm Trường Sơn, dùng ”Huế” thay Bình-Trị-Thiên)

Nhà rông vs nhà dài	Rông = không gian sinh hoạt chung (Ba-na, một bộ phận Gia-rai); Dài = nhà ở của người Ê Đê, gắn mẫu hệ
Jrai 8 cột vs Cơ Tu 6 cột	Jrai nhiều hơn Cơ Tu 2 cột; Cơ Tu thêm trục Đông – Tây
Bảo tồn động vs bảo tồn tĩnh	Động = trong môi trường sống; Tĩnh = ngoài môi trường (bảo tàng, sách báo, kho lưu trữ)
Đồng Kỵ vs Chương trình 135 vs thu hồi đất	Đồng Kỵ = từ bên dưới; 135 giai đoạn II = kết hợp; thu hồi đất = từ bên trên (mâu thuẫn giá đền bù)
Câu 91 vs câu 109 (đề 120 câu)	Câu 91 hỏi trụ cột thứ tư + 4 vai trò; câu 109 hỏi bảng ví dụ 3 cột (ruộng bậc thang – vạn vật hữu linh – VAC)
”Kinh hóa” vs giao lưu	”Kinh hóa” = đồng hóa tự nhiên được quan niệm đồng nhất với hiện đại hóa; giao lưu là tiếp xúc hai chiều bình thường
Chức năng điều tiết vs giao tiếp	Điều tiết = chuẩn mực, trật tự; Giao tiếp = ngôn ngữ, biểu tượng
Thuyết lan truyền vs thuyết trọng tâm	Lan truyền = sáng tạo từ một trung tâm lan ra; Trọng tâm = mỗi nền văn hóa có trọng tâm riêng
Muối Sa Huỳnh vs Tuyết Diêm vs Cà Ná vs Hòn Khói	Quảng Ngãi – Phú Yên – Ninh Thuận – Khánh Hòa (theo thứ tự Bắc → Nam)
Ghe bầu vs ghe nan	Ghe bầu là phương tiện biển xứ Quảng (cả chiến đấu lẫn mưu sinh); đừng nhầm với phương tiện sông nước

LỘ TRÌNH ÔN ĐẾN 01/12/2026

Thời gian	**Việc làm**
Tối 29/11	Vòng 1: đọc hết tài liệu này, học thuộc khung xương + các bảng số liệu + các cặp dễ nhầm
30/11	Vòng 2: làm 135 câu, bấm giờ như thi thật, làm xong mới mở đáp án chi tiết; ghi câu sai vào sổ lỗi sai bên dưới
Tối 30/11	Vòng 3: chỉ ôn lại các câu làm sai + bảng số liệu + các cặp dễ nhầm. Ngủ sớm
01/12	Thi. Đọc kĩ đề, câu nào có từ ”KHÔNG” thì gạch chân; câu nào phân vân giữa 2 phương án thì nhớ lại bảng tương ứng, đừng đoán mò

SỔ LỖI SAI CỦA THẦY (TỰ GHI KHI LÀM ĐỀ)

Câu sai	Đáp án đúng	Vì sao sai	Bảng cần đọc lại
(ghi số câu)			